

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 14/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N - Sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện T, tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn T (Tên gọi khác: Bùi Văn T1) - Sinh năm: 1983

Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện T, tỉnh T.

Căn cứ các Điều 212, 213 và khoản 3,4 Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55; Điều 81; Điều 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 3 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị N và anh Bùi Văn T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Chị Bùi Thị N và anh Bùi Văn T có 02 con chung là cháu Bùi Thanh T (giới tính: nam), sinh ngày: 31/7/2008 và Bùi Khánh T (Giới tính: nữ), sinh ngày: 31/10/2011. Sau khi ly hôn, giao cả hai cháu cho anh T, chị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng mỗi cháu số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), hai cháu là 2.000.000 đồng/ tháng (Hai triệu đồng một tháng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 3/2022 đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị Bùi Thị N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Chị Bùi Thị N và anh Bùi Văn T thống nhất: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về công nợ:** Chị Bùi Thị N và anh Bùi Văn T thống nhất vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Bùi Thị N và anh Bùi Văn T thống nhất, thỏa thuận: Chị Bùi Thị N chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) và tiền cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) chị N đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh T, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0007563 ngày 15/02/2022.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Bùi Văn Tuấn**